

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ R
TỈNH KHÁNH HÒA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 25/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 16/7/2024
Về việc “Ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ R, TỈNH KHÁNH HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Hồng Công

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Đinh Văn Liêm

Bà Trương Thị Diễm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Hữu Xuân Quỳnh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố R.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố R tham gia phiên tòa: Ông Bùi Văn Khánh - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 7 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố R xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 21/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 3 năm 2024 về “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 25/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị Mỹ D, sinh năm 1998; nơi cư trú: Tổ dân phố HD, phường CPB, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. (Bà D có đơn đề nghị xét xử vắng mặt)

- Bị đơn: Ông Đỗ Văn V, sinh năm 1990; nơi cư trú: Tổ dân phố HD, phường CPB, thành phố R, tỉnh Khánh Hòa. Đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước - Bộ Công an. (Ông V có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 22/02/2024 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D trình bày: Bà và ông Đỗ Văn V tự nguyện tìm hiểu, kết hôn, chung sống và được Ủy ban nhân dân phường CPB, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 04/8/2020. Trong quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc một thời gian đến cuối năm 2020 ông V đi massage vì nhu cầu sinh lý và bà phát hiện nhiều lần, từ đó bà bị ám ảnh tâm lý và không thể ngủ cùng với nhau. Đến năm 2021, ông V bị bắt vì án ma túy, bà đã nhiều lần khuyên nhưng ông V không nghe còn quát mắng bà. Đến nay, ông V đang chấp hành án tại Trại giam Xuân Phước được 03 năm, bà không thấy sự thay đổi ở ông V cộng với sự thờ ơ của nhà chồng nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà ly hôn với ông V.

- Về con chung: Bà và ông V có 01 con chung Đỗ Huỳnh A, sinh ngày 13/02/2021. Bà yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Tại Biên bản lấy lời khai ngày 07/6/2024, bị đơn ông Đỗ Văn V trình bày:* Ông và bà D tiến tới hôn nhân vào năm 2020, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường CPB. Ông không nhớ ngày tháng đăng ký kết hôn. Hôn nhân của ông bà là hoàn toàn tự nguyện. Cuộc sống chung của vợ chồng sau khi kết hôn hạnh phúc. Đến tháng 5 năm 2021, ông bị bắt về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”. Thời gian 02 năm đầu vợ có đến thăm nuôi đến đầu năm 2024 vợ gọi điện nói không thăm ông nữa. Bà D yêu cầu ly hôn với ông, ông đồng ý.

Về con chung ông và bà D có 01 con chung đúng như bà D trình bày. Con đang sống với mẹ và ông đang chấp hành án nên ông đồng ý giao con cho bà D nuôi dưỡng và ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung ông không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* *Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố R:*

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của người tiến hành tố tụng: Thẩm phán và Thư ký chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Tòa án nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là vụ án hôn nhân gia đình về “Ly hôn” mà bị đơn có nơi đăng ký thường trú tại thành phố R theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố R.

[1.2] Về sự vắng mặt của người tham gia tố tụng: Nguyên đơn, bị đơn có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt. Xét thấy yêu cầu của nguyên đơn, bị đơn là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227, Điều 228 và Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự để tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ D và ông Đỗ Văn V tự nguyện tìm hiểu, chung sống với nhau và được Ủy ban nhân dân phường CPB, thành phố R cấp giấy chứng nhận kết hôn số 69 ngày 04/8/2020 nên được công nhận là hôn nhân hợp pháp. Qua lời khai của nguyên đơn, bị đơn có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử thấy rằng: Quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn

không hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn, nguyên đơn và bị đơn không còn chung sống với nhau từ tháng 5 năm 2021 nên nguyên đơn yêu cầu ly hôn với bị đơn, bị đơn đồng ý. Như vậy, mục đích hôn nhân của nguyên đơn và bị đơn không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài, yêu cầu xin ly hôn của nguyên đơn là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với pháp luật nên Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho ly hôn với bị đơn.

[2.2] *Về con chung*: Bà D yêu cầu được nuôi con chung Đỗ Huỳnh A, sinh ngày 13/02/2021.

Xét: Việc giao con cho ai nuôi dưỡng, giáo dục sau khi bố mẹ ly hôn là nhằm phát triển tốt cho con cả về mặt thể chất lẫn tinh thần. Cháu An là nữ, còn nhỏ sống với mẹ, bố đang chấp hành án nên xuất phát từ lợi ích mọi mặt của con chung chưa thành niên, theo quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình, cần giao con chung cho cho bà D nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà D không yêu cầu ông V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

[2.3] *Về tài sản chung*: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] *Về án phí*: Bà D phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm cụ thể 300.000 đồng về “Ly hôn”.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 56, 81, 82, 83 và 84 Luật Hôn nhân gia đình; khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 238 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị Mỹ D.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Huỳnh Thị Mỹ D được ly hôn ông Đỗ Văn V.

2. Về con chung: Giao con chung Đỗ Huỳnh A, sinh ngày 13/02/2021 cho bà Huỳnh Thị Mỹ D được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Bà Huỳnh Thị Mỹ D không yêu cầu ông Đỗ Văn V cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xét.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức được quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp chăm sóc nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục con chung.

3. Về tài sản chung: Bà Huỳnh Thị Mỹ D không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xét.

4. Về án phí: Bà Huỳnh Thị Mỹ D phải nộp án phí Dân sự sơ thẩm 300.000 đồng về “Ly hôn” nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004627 ngày 15/3/2024 của Chi cục Thi hành án Dân sự thành phố R. Vậy, bà Huỳnh Thị Mỹ D đã nộp đủ án phí Dân sự sơ thẩm.

5. Bà Huỳnh Thị Mỹ D, ông Đỗ Văn V có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Khánh Hòa;
- VKSND t.p R;
- CCTHADS t.p R;
- UBND phường CPB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Lê Thị Hồng Công